

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**KHU VỰC 11**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 53/2026/DS-ST

Ngày: 17/06/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm;
2. Ông Nguyễn Trung Trực.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Hồng Phong, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Phan Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/TB-TLVA-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐST-DS ngày 07/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông **Trần Văn M** - 1959

Địa chỉ: **thôn T, xã T, tỉnh Lâm Đồng.**

**Bị đơn:** Bà **Phan Thị T** - 1981; Ông **Lương Hoài T1** - 1980

Địa chỉ: **thôn P, xã T, tỉnh Lâm Đồng.**

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông **Trần Văn M** trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên ngày 12/02/2025, ông có cho vợ chồng bà **T** và

ông **T1** vay số tiền 40.000.000 đồng, khi mượn có lập giấy mượn tiền ông **T1** và bà **T** ký xác nhận. Thời hạn vay 3 tháng đến ngày 12/5/2025 ông **T1** và bà **T** sẽ trả lại toàn bộ số tiền vay cho ông. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng. Bà **T** và ông **T1** có trả được cho ông số tiền 3.200.000 đồng tiền lãi.

Buộc bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi theo lãi suất chậm trả là 1,66% tháng, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày 13/05/2025 đến ngày 13/4/2026 tính cụ thể là 40.000.000 đồng x 1,66% x 11 tháng = 7.232.800 đồng. Tổng gốc và lãi ông **M** yêu cầu vợ chồng bà **T** và ông **T1** phải trả cho ông **M** là 47.232.800 đồng.

Tại phiên tòa ông **M** rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất.

***Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phan Thị T trình bày:***

Bà và ông **Lương Hoài T1** – sinh năm: 1980 có quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn hiện đang sống chung với nhau. Ngày 12/02/2025, do cần tiền làm ăn nên vợ chồng bà có mượn của ông **Trần Văn M** số tiền 40.000.000 đồng. Khi mượn hai bên có lập giấy mượn tiền nội dung trong giấy mượn tiền đề ngày 12/02/2025 do bà ghi và vợ chồng bà cùng ký tên. Hẹn 3 tháng sau sẽ trả toàn bộ số tiền trên cho ông **M**. Lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận 8%/tháng 1 tháng bà phải trả 3.200.000 đồng tiền lãi cho ông **M**. Bà đã trả được lãi cho ông **M** là 3 tháng. Đến thời gian trả nợ gốc thì do kinh tế khó khăn nên tôi không có khả năng trả nợ cho ông **M**.

Nay ông **M** yêu cầu trả tiền gốc 40.000.000 đồng bà đồng ý trả cho ông **M**.

Đối với yêu cầu về lãi suất bà không đồng ý trả cho ông **M** vì hiện nay kinh tế bà khó khăn nên bà xin tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của người tham gia tố tụng kể từ thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn buộc bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 phải trả cho ông số tiền gốc đã vay là 40.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 11, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Ông Trần Văn M nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng giải quyết tranh hợp đồng vay tài sản với bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 có địa chỉ tại xã T, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Phan Thị T, ông Lương Hoài T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị T, ông Lương Hoài T1 là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả tiền: Xét yêu cầu của ông Trần Văn M yêu cầu vợ chồng bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 trả cho ông M số tiền đã vay là 40.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 12/2/2015. Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa nguyên đơn và bị đơn có quen biết với nhau, ngày 12/2/2025 ông Trần Văn M có cho vợ chồng bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 vay số tiền 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 12/2/2025. Bà Phan Thị T cũng thừa nhận vợ chồng bà là Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 có vay của ông Trần Văn M số tiền 40.000.000 đồng. Chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 12/2/2025 là do bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 ký và ghi họ tên. Xét thấy việc vợ chồng bà Phan Thị T và ông Lương Hoài T1 có vay của ông M số tiền 40.000.000 đồng và còn nợ số tiền trên là có thật. Đây là sự việc không cần chứng minh Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phan Thị T và ông

**Lương Hoài T1** có nghĩa vụ trả cho ông **Trần Văn M** số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi suất: Tại phiên toà ông **Trần Văn M** rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự không bị ai ép buộc, không trái quy định của pháp luật. Nên chấp nhận.

Xét yêu cầu buộc liên đới trả nợ: ông **Trần Văn M** yêu cầu bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **M** số tiền còn nợ. Theo bà **T** việc mượn tiền này để làm ăn, việc mượn tiền ông **T1** chồng bà cũng biết và ký tên vào giấy mượn tiền. Hội đồng xét xử xét thấy, cần buộc bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông **Trần Văn M**.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, do yêu cầu của ông **Trần Văn M** được chấp nhận nên ông **M** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về yêu cầu trả tiền:** Chấp nhận yêu cầu nguyên đơn ông **Trần Văn M**. Buộc bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông **Trần Văn M** số tiền gốc 40.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/2/2025.

**2. Về yêu cầu lãi suất.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất.

**3. Về án phí:**

+ Bà **Phan Thị T** và ông **Lương Hoài T1** phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2026). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND KV11 ;
- Phòng THADS KV11;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn T2**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn T2**

*Nơi nhận:* **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND KV11 ;
- Phòng THADS KV11;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn T2**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn T2**

*Nơi nhận:* **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THA dân sự huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Thành**

